BÌNH ĐỊNH VÀ KIỂM SOÁT VÙNG THƯỢNG DU BIÊN GIỚI BẮC KỲ CUỐI THẾ KỶ XIX: MÂU THUẪN QUAN ĐIỂM VÀ TRANH CHẤP QUYỀN LỰC TRONG CHÍNH QUYỀN PHÁP

NGUYỄN THỊ HẠNH[*]
TRẦN XUÂN TRÍ[**]

Sau Hiệp ước Thiên Tân năm 1885, chính quyền Pháp tiến hành đàm phán, phân định, cắm mốc đường biên giới giữa Bắc Kỳ với Trung Quốc. Quá trình này kéo dài hơn 10 năm với nhiều căng thẳng, phức tạp và liên quan tới rất nhiều vấn đề lịch sử. Đây là vấn đề đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước. Những nghiên cứu đã công bố có liên quan chủ yếu tập trung đề cập tới ba khía cạnh chính: Quá trình đàm phán, phân định và cắm mốc; Những khó khăn của Pháp trong quá trình phân định, cắm mốc và kiểm soát đường biên liên quan tới thái độ của triều đình Mãn Thanh, các cuộc nổi dậy của nhân dân Việt Nam và và sự tấn công của các toán cướp người Trung Quốc (1). Những vấn đề nêu trên đã được nhiều nghiên cứu làm rõ, cho nên những vấn đề đó không phải là mục tiêu của bài viết này.

Trong quá trình khảo cứu tài liệu, chúng tôi nhận thấy có một khía cạnh khác liên quan mật thiết tới quá trình đàm phán, phân định, cắm mốc biên giới ở Bắc Kỳ - Trung Quốc, đó là những mâu thuẫn, tranh chấp quyền lực trong nội bộ chính quyền Pháp về chính sách, biện pháp chiếm đóng và kiểm soát không gian đường biên giới. Tuy nhiên, cho tới nay chưa có một nghiên cứu nào đề cập làm rõ vấn đề này. Trong giai đoạn 1885 - 1896, các đại diện của chính quyền Pháp ở thuộc địa và chính quốc đã đề xuất nhiều chính sách và các biện pháp khác nhau nhằm thực hiện mục tiêu chiếm đóng, bình định vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ, tạo điều kiện cho việc phân định, cắm mốc, kiểm soát tốt không gian đường biên giới Bắc Kỳ - Trung Quốc. Tuy nhiên, không phải lúc nào những chính sách và biện pháp được đưa ra đều tạo được sự đồng thuận. Trên thực tế, có nhiều quan điểm trái ngược nhau, thậm chí là những mâu thuẫn và tranh chấp quyền lực, khi thì giữa nội bộ chính quyền ở chính quốc, khi thì giữa chính quyền chính quốc và chính quyền thuộc địa và giữa các nhóm quyền lực trong chính quyền thuộc địa với nhau. Vậy, nguồn gốc và những mâu thuẫn đó là gì? Những mâu thuẫn đó tác động ra sao tới quá trình bình định Bắc Kỳ nói chung, chiếm đóng kiểm soát không gian đường biên giới nói riêng? Những mâu thuẫn và tranh chấp quyền lực đó từng bước giải quyết như thế nào?

[*]PGS.TS. Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, Học Viện Ngoại giao
[**]TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Làm rõ các câu hỏi đặt ra ở trên sẽ tạo thêm luận cứ để đánh giá bao quát hơn những khó khăn mà chính quyền Pháp gặp phải trong quá trình bình định, kiểm soát, phân định, cắm mốc đường biên giới Bắc Kỳ - Trung Quốc trong những năm cuối thế kỷ XIX. Nghiên cứu cũng góp phần làm rõ mối quan hệ và tương tác quyền lực trong chính quyền Pháp về vấn đề kiểm soát đường biên giới: giữa chính quốc và chính quyền Đông Dương, giữa chính quyền trung ương ở Đông Dương với chính quyền địa phương; giữa chính quyền dân sự và chính quyền quân sự. Nghiên cứu còn góp phần làm rõ thêm đường lối chung và chính sách bành trướng thuộc địa của chính quyền Pháp trong những năm cuối thế kỷ XIX.

1. Từ bỏ và chiếm đóng vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ: Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền chính quốc Pháp và sự thắng thế của tư tưởng bành trướng thuộc địa

Sau Hiệp ước Harmand năm 1883 và Hiệp ước Patenotre năm 1884, mặc dù triều đình Nguyễn đã chấp nhận và thừa nhận sự đô hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, nhưng công cuộc bình định của Pháp ở Bắc Kỳ, nhất là trong vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ gặp phải nhiều khó khăn: thái độ cứng rắn của chính quyền Bắc Kinh và một số quan lại địa phương Trung Quốc ở các tỉnh giáp biên giới Bắc Kỳ; sự thâm nhập, tấn công của các toán cướp người Trung Quốc và các cuộc nổi dậy của người dân Việt Nam; thiếu hụt tài chính, hạn chế về giao thông, liên lạc, địa hình, khí hậu,… Những khó khăn trên khiến nội bộ chính quyền Pháp ở chính quốc bị chia rẽ và mâu thuẫn gay gắt thành hai phái: phái ủng hộ tiếp tục chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ; phái phản đối cuộc phiêu lưu quân sự ở Bắc Kỳ và yêu cầu từ bỏ việc chiếm đóng vùng thượng du biên giới.

Đầu năm 1885, sau thất bại quân sự của quân đội Pháp trong các chiến dịch ở Lạng Sơn, chính trường Pháp chao đảo bởi những trận chiến chính trị, vô số những cuộc đụng độ diễn ra giữa những người theo đuổi chính sách thuộc địa với những người phản đối. Từ tháng 3-1885, một làn sóng phản đối chính sách thuộc địa của Chính phủ do Jules Ferry (2) đứng đầu bùng nổ ở Pháp: "một nhóm đông người tụ tập trước điện Bourbon và trước Bộ Ngoại giao la lên những lời đe dọa: "Giết chết Ferry"! Giết chết anh Bắc Kỳ!, Giết chết Ferry" (3). Trong nghị viện, lực lượng phản đối việc chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ gồm nhóm Cấp tiến (đại diện tiêu biểu là Clemenceau, Périn và Pelletan) và nhóm Bảo hoàng (tiêu biểu là Freppell). Không chỉ trong nghị trường, trên lĩnh vực báo chí cũng diễn ra cuộc chiến về quan điểm. Nhiều tờ báo lên tiếng công kích chính sách chiếm đóng Bắc Kỳ của Pháp: Tờ Soleil chỉ trích đó là một sự lãng phí tài chính, chiến tranh tôn giáo, một cuộc phiêu lưu quân sự. Tờ Figaro (số ra ngày 6-10-1885) lên án chiếm đóng Bắc Kỳ là "một sự ảo tưởng thuộc địa chỉ làm trầm trọng thêm sự thiếu hụt ngân sách" (4). Tờ Avenir (số ra ngày 6-9-1885) kết tội chính quyền Pháp khi cho rằng hành động xâm lược Bắc Kỳ như là "Kẻ tòng phạm của Bismarck", vấn đề Bắc Kỳ trở thành "Mexique của nền Cộng hòa" (5).

Sự thất bại quân sự ở Bắc Kỳ, cùng với sức ép đến từ phái phản đối chiếm đóng Bắc Kỳ dẫn tới nội các Jules Ferry bị đổ. Tháng 4-1885, nội các mới được thiết lập do Henri Brisson làm Thủ tướng (6/4/1885 - 29/12/1885). Trong thành phần chính phủ mới, Brisson và một nhóm nghị sĩ, như Paul Bert, de Lanessan, Waddington, Eugène Étienne,… ủng hộ và tiếp tục chủ trương theo đuổi chính sách chiếm đóng

quân sự toàn diện ở Bắc Kỳ. Tháng 7-1885, Chính phủ Henri Brisson đề xuất với nghị viện Pháp thông qua khoản ngân sách 75 triệu francs để thực hiện mục tiêu bình định Bắc Kỳ và Madagascar. Chủ trương và đề xuất trên bị nhóm Cấp tiến và Bảo hoàng trong nghị viện Pháp phản đối kịch liệt. Camille Pelletant đại biểu của Seine và Oise tại Nghị viện, một trong những người đứng đầu nhóm Cấp tiến, phản đối việc mở rộng chiếm đóng vùng thượng du biên giới và đề xuất chỉ nên chiếm đóng hạn chế Bắc Kỳ, tức là bỏ vùng thượng du, chỉ chiếm giữ đồng bằng. Camille Pelletant lý giải: *Thứ nhất*, việc duy trì hoạt động quân sự và chiếm đóng vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ có thể dẫn tới cuộc chiến tranh với Trung Quốc, sự nổi dậy của người dân Việt Nam. Điều này làm cho tình hình Bắc Kỳ trở nên hỗn loạn và phức tạp hơn; *Thứ hai*, việc chiếm đóng vùng thượng du biên giới đối diện với nhiều khó khăn: sự phản kháng của triều đình nhà Nguyễn và người dân; các cuộc tấn công của lực lượng thổ phỉ và các toán cướp người Trung Quốc. Hai lực lượng này thiết lập các nhóm rất mạnh ở gần biên giới Bắc Kỳ - Trung Quốc; *Thứ ba*, cuộc chinh phục của Pháp ở đồng bằng chưa kết thúc, trong khi ở thượng du biên giới mới bắt đầu. Để thực hiện hai nhiệm vụ này đòi hỏi cần tới 50.000 quân. Ông ta ước tính, chỉ để chiếm đóng và kiểm soát đường biên giới Bắc Kỳ - Trung Quốc phải cần tới 12.000 quân cho hơn 200 vị trí quan trọng; *Thứ tư,* việc chiếm đóng vùng thượng du biên giới không hề dễ dàng với binh lính Pháp vì điều kiện địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, khí hậu khắc nghiệt, tiếp tế không đảm bảo (6).

Quan điểm bỏ vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ của Camille Pelletant vấp phải sự phản đối kịch liệt của nhóm ủng hộ chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới. Paul Bert bảo vệ quan điểm chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ của chính phủ Pháp vì hai lý do chính: Bắc Kỳ, nhất là vùng thượng du biên giới có vị trí chiến lược quan trọng đối với Pháp; chiếm đóng bằng được Bắc Kỳ vì danh dự của nước Pháp. Theo quan điểm của Paul Bert, Bắc Kỳ sẽ là vị trí tiếp viện quan trọng cho các lực lượng của Pháp trong trường hợp xảy ra chiến tranh với Anh. Bắc Kỳ là khu vực hiệu quả để bảo vệ những thuộc địa của Pháp ở Thái Bình Dương (7). Paul Bert nhấn mạnh, chính sách bành trướng thuộc địa của Pháp không chỉ vì mục đích thị trường mà còn vì một sức mạnh tinh thần: "Các ngài muốn rút lui khỏi cuộc xâm lược trong danh dự […], rút lui tức là các ngài sẽ dừng lại trong sự nhục nhã. Danh dự của nước Cộng hòa [Pháp] cần phải được giữ nguyên vẹn. Việc rút lui sẽ làm ô danh lá cờ của nước Pháp" (8).

Cùng quan điểm ủng hộ chiếm đóng toàn bộ vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ còn có Thứ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Eugène Étienne, Jean Louis de Lanessan,… Để thuyết phục những người phản đối, de Lanessan cho rằng, cần chiếm đóng toàn bộ Bắc Kỳ, nhưng với cách khôn khéo và tiết kiệm: sử dụng đội ngũ quan lại người bản xứ và tăng cường tuyển mộ binh lính người Việt dưới sự chỉ đạo, dẫn dắt của người Pháp. Cuộc tranh cãi không có hồi kết, cuối cùng nghị viện thống nhất tiến hành bỏ phiếu để thông qua ngân sách có chiếm đóng toàn diện (cả vùng thượng du biên giới) hay chỉ chiếm đóng hạn chế (chỉ chiếm đóng đồng bằng) Bắc Kỳ. Kết quả có 270 phiếu phản đối việc thông qua ngân sách cho việc mở rộng chiếm đóng thượng du biên giới Bắc Kỳ. Chỉ có 273 phiếu đồng

ý cấp 50 triệu francs cho Chính phủ Brisson tiếp tục duy trì hoạt động quân sự ở Bắc Kỳ và Madagascar (9).

Cùng với việc đề xuất thông qua ngân sách cho việc chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ, tháng 5-1885, Chính phủ Brisson bổ nhiệm De Courcy làm Tổng chỉ huy lực lược quân viễn chinh Pháp, kiêm Tổng trú sứ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. De Courcy ban đầu có tham vọng đè bẹp phái chủ chiến trong triều đình Huế, mở rộng chiếm đóng toàn diện ra Bắc Kỳ. Tuy nhiên, từ tháng 7-1885, lời cảnh báo trước đó của Pelletan đã trở thành hiện thực. Quân đội Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ phải đối diện với sự phản kháng quyết liệt của phái chủ chiến trong triều đình Nguyễn và hàng loạt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Ở các tỉnh giáp biên giới Bắc Kỳ, tình trạng càng trở nên hỗn loạn. Các toán cướp người Trung Quốc thường xuyên thâm nhập qua biên giới tấn công quân Pháp, cướp phá, bắt cóc phụ nữ, trẻ em trong các làng dọc biên giới. Tình trạng này một phần bắt nguồn từ chủ ý chính trị của chính quyền địa phương các tỉnh Trung Quốc. Tổng đốc Lưỡng Quảng là Trương Chi Động (Tchang Tchi Tong hoặc Zhan Zhi Dong) và Tổng đốc Vân Quý là Sầm Dục Anh ngấm ngầm hỗ trợ và kích động các toán cướp người Trung Quốc đánh chiếm các tỉnh biên giới Bắc Kỳ nhằm gây sức ép đối với Pháp hòng duy trì lợi ích của Trung Quốc ở vùng thượng du Bắc Kỳ. Servière chỉ ra rằng: "Họ muốn bảo vệ mạng sườn phía Nam của Trung Quốc, chống lại sự hiện diện của cường quốc Pháp - một thế lực đáng sợ hơn là vương triều Huế. Các ủy viên ủy ban phân định biên giới phía Trung Quốc luôn muốn thiết lập một khu vực trung lập hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, đây là cách duy nhất để tránh sự tiếp xúc trực tiếp giữa chế độ bảo hộ của Pháp với lãnh thổ Trung Quốc (10). Le Prince thì thừa nhận "Giới cầm quyền Trung Quốc luôn cho việc thâm nhập của người Âu ở Bắc Kỳ là một "tử thần" đối với sự ảnh hưởng của họ, nhất là đối với các đặc quyền của họ" (11).

Những khó khăn về quân sự mà quân đội Pháp gặp phải ở Bắc Kỳ buộc De Courcy phải xin cứu viện từ chính quốc, nhưng không được Chính phủ Brisson đáp ứng do lo sợ làm tăng sự chống đối và mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền. Trong tình cảnh bế tắc, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh và De Courcy đề xuất và chủ trương bỏ vùng thượng du biên giới, chỉ chiếm đóng vùng đồng bằng Bắc Kỳ. Theo De Courcy, công cuộc chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ cần phải kéo dài hàng chục năm, đòi hỏi một lực lượng quân đội lớn; lực lượng quân Pháp bị phân tán giữa các vùng biên giới và đồng bằng; việc tiếp tế cho lực lượng quân đồn trú ở thượng du biên giới để chống lại các toán cướp người Trung Quốc gặp nhiều khó khăn và đòi hỏi chi phí lớn. Điều này không phù hợp, nhất là trong bối cảnh dư luận Pháp khi đó đang yêu cầu chấm dứt hoạt động quân sự và hạn chế chi tiêu cho việc chiếm đóng Bắc Kỳ. Giới quân sự Pháp đề xuất phương án chỉ chiếm đóng quân sự vùng đồng bằng và các vùng phụ cận, không chiếm đóng quân sự ở vùng thượng du biên giới. Vùng này được coi là "vùng đệm" giữa Trung Quốc và Bắc Kỳ. Phương án này vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí, vừa tránh xung đột với Trung Quốc.

Cùng thời gian này, tháng 10-1885, nghị viện Pháp họp bàn về vấn đề Bắc Kỳ, nội bộ tiếp tục chia rẽ thành hai nhóm: ủng hộ và phản đối: "Ở Pháp, tuy Hòa ước Thiên Tân đã ký, nhưng trong nghị viện vẫn còn một phe phân vân chưa quyết nên lấy Bắc Kỳ hay bỏ, vì thấy đường sá xa xôi, mà ở nước ta loạn lạc mãi không dẹp yên

được, mà ở châu Âu, nước Pháp đương cần lo giữ sự an toàn cho mình" (12).

Nhóm ủng hộ đại diện là Brisson (Thủ tướng), Freycinet (Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), Albert Bourée (Đại sứ Pháp ở Trung Quốc), Paul Bert, de Lanessan,…tìm mọi lý lẽ để phản bác lại quan điểm của nhóm phản đối. Freycinet nhấn mạnh rằng, Chính phủ Pháp chọn lựa chính sách chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ chống lại các chính sách khác. Vì, việc chiếm đóng vùng thượng du biên giới phục vụ đắc lực cho việc phân định biên giới được thỏa thuận trong Hiệp ước Thiên Tân năm 1885 và chủ quyền của Pháp ở Bắc Kỳ theo Hiệp ước 1884: "Binh lính và viên chức Pháp cần phải tập trung và đẩy lùi các toán cướp người Trung Quốc để thiết lập chủ quyền thực tế của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ của Việt Nam" (13). Và rằng, chỉ khi chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới mới đẩy lùi được các toán cướp người Trung Quốc và mới kiểm soát chặt chẽ được không gian đường biên. Đây là cơ sở để thiết lập một đường biên giới theo kiểu hiện đại, được vạch định và cắm mốc rõ ràng.

Mặt khác, nhóm ủng hộ việc chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ cho rằng, việc chỉ chiếm đóng quân sự ở vùng đồng bằng và hạn chế chiếm đóng quân sự ở các tỉnh thượng du biên giới với sự kiểm soát qua loa là một điều tệ hại. Vì, Bắc Kỳ chỉ có thể yên bình với điều kiện khi có được đường biên giới rõ ràng, nếu không có đường biên rõ ràng thì đó là nguồn gốc của sự mất an ninh thường trực ở Bắc Kỳ. Chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ, bao gồm cả vùng thượng du biên giới, là giải pháp cốt yếu để đảm bảo an ninh cho toàn bộ Bắc Kỳ: "Chúng ta chỉ có thể tìm thấy sự cân bằng ổn định khi mà chúng ta có thể chạm đến tất cả các bờ biên giới thực sự với Trung Quốc, Myanmar và Xiêm (14). Nói cách khác, việc vạch định đường biên phải bao gồm cả việc chiếm đóng toàn diện, thường trực của quân đội Pháp trong toàn bộ không gian vùng thượng du Bắc Kỳ. Nếu không chiếm đóng, việc vạch định đường biên khó có thể thành công, và nếu có thành công thì cũng không thể kiểm soát được an ninh đường biên.

Từ quan điểm trên, trong năm 1885 và 1886, Chính phủ Pháp, trực tiếp là Bộ Ngoại giao chỉ đạo Ủy ban phân định biên giới của Pháp tiếp xúc với Ủy ban của Trung Quốc trên thực địa tại Lạng Sơn, Lào Cai để giải quyết tranh chấp lãnh thổ. Tuy nhiên, hoạt động này lại không nhận được sự hỗ trợ của giới quân sự ở Bắc Kỳ. De Courcy tìm cách khước từ cung cấp nhân lực và phương tiện hỗ trợ cho Ủy ban phân định biên giới của Pháp ở Bắc Kỳ (15). Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới công cuộc chiếm đóng, bình định, kiểm soát không gian đường biên của Pháp gặp nhiều khó khăn.

Tháng 12-1885, vấn đề chiếm đóng toàn diện hay từ bỏ Bắc Kỳ tiếp tục được đưa ra nghị viện bàn thảo để lấy ý kiến. Kết quả là chỉ có 274 phiếu tán thành tiếp tục chiếm đóng Bắc Kỳ, 270 phiếu phản đối. Do không nhận được sự ủng hộ đa số, Brisson từ chức, nội các mới được thành lập do Charles Freycinet (cựu Bộ trưởng Ngoại giao) làm Thủ tướng (7/1/1886 - 3/12/1886). Chính phủ Freycinet tiếp tục theo đuổi chính sách chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ. Freycinet tuyên bố: "Chính sách thuộc địa hiện nay là quốc sách và sẽ theo đuổi bằng mọi cách. Nước Pháp khởi đầu ở Bắc Kỳ theo cách của nó và theo các nghị viên theo đuổi chính sách này. Hiển nhiên chính sách này không e ngại cánh Cực Tả hay Hữu khi nó tuyên bố can thiệp" (16).

Để tiếp tục thực hiện tham vọng trên, Freycinet cho triệu hồi De Courcy về Pháp, quyền lực quân sự được trao cho tướng

Charles Auguste Louis Warnet. Paul Bert được bổ nhiệm làm Tổng trú sứ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao. Bộ này cũng có toàn quyền trong chỉ đạo việc hoạch định đường lối cai trị cũng như đàm phán, phân định, cắm mốc biên giới ở Bắc Kỳ. Trong khi đó, việc cai trị Nam Kì và lực lượng quân đội viễn chinh ở Bắc Kỳ lại đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Hải quân và Thuộc địa. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa chính quyền dân sự và chính quyền quân sự ở Bắc Kỳ, bên cạnh mâu thuẫn trong chính phủ và nghị viện ở chính quốc.

Để thuyết phục phe chống đối, kêu gọi sự ủng hộ của giới thực dân, nhất là giới tư bản công nghiệp và thương mại, trong khóa họp nghị viện ngày 24-12-1885, Paul Bert (17) hứa sẽ biến Bắc Kỳ "thành thuộc địa sinh ra các nguồn của cải, sự giàu có và thịnh vượng, một thuộc địa khai thác, nhập khẩu và xuất khẩu" (18). Paul Bert khẳng định, sự chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ, bao gồm cả vùng thượng du biên giới, là vấn đề sống còn đối với nước Pháp và để xóa tan đi những chống đối đòi rút quân khỏi Bắc Kỳ. Tuy nhiên, Paul Bert chủ trương thiên về các biện pháp chính trị hơn là các biện pháp quân sự bằng việc thiết lập chế độ bảo hộ thực sự và rộng rãi theo lối cộng tác đối với triều đình Nguyễn và người dân bản xứ ở Bắc Kỳ. Paul Bert cho rằng, cần lôi kéo, mua chuộc tầng lớp sĩ phu, gây sức ép, can thiệp để triều đình Nguyễn cộng tác trong việc đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh. Cần phát triển sự giàu có ở vùng thượng du vì lợi ích của nước Pháp, lợi ích của các nhà thực dân và lợi ích người dân bản xứ, nhằm tạo sự đồng thuận và lòng trung thành của người dân đối với chính quyền Pháp. Paul Bert khẳng định, muốn bình định và kiểm soát được toàn diện Bắc Kỳ không phải với thanh kiếm trong tay (vũ lực quân sự), mà với bàn tay chìa ra và một thanh kiếm để bên cạnh" (19). Từ quan điểm trên, Paul Bert đề xuất rằng, trách nhiệm bình định Bắc Kỳ của chính quyền quân sự cần giao lại cho chính quyền dân sự.

Từ tháng 3-1886, Paul Bert cố gắng triển khai các kế hoạch bình định bằng chính trị của mình ở Bắc Kỳ. Tuy nhiên, ở vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ, các toán cướp người Trung Quốc gần như vẫn kiểm soát hoàn toàn các vùng giáp biên giới, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam tiếp tục diễn ra gây nhiều khó khăn cho chính quyền Pháp. Tháng 11-1886, Paul Bert chết tại Hà Nội vì bị bệnh lỵ, kế hoạch chiếm đóng và kiểm soát vùng thượng du lâm vào bế tắc. Đây chính là cơ hội để nhóm Cấp tiến và Bảo hoàng trong nghị viện Pháp tiếp tục chỉ trích đường lối chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ của Chính phủ Freycinet.

2. Mâu thuẫn giữa chính quyền Pháp ở chính quốc và thuộc địa về vấn đề tài chính, rút bớt lực lượng quân đội thường trực trong việc chiếm đóng, bình định vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ

Từ năm 1885, chi phí tài chính cho công cuộc xâm lược Bắc Kỳ là một trong những khó khăn, đồng thời cũng là một trong những mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền. Thất bại quân sự tại Lạng Sơn đầu năm 1885 đã làm dấy lên làn sóng phản đối về "sự lãng phí tài chính" của chính quốc ở Bắc Kỳ. Từ năm 1885 sau thất bại quân sự tại Lạng Sơn, việc trông chờ vào các khoản trợ cấp của chính quốc để tiếp tục theo đuổi mục tiêu chiếm đóng toàn diện Bắc Kỳ của chính quyền Pháp gặp khó khăn. Mỗi cuộc thảo luận về ngân sách là dịp để các nhóm chống đối thuộc phe Bảo hoàng, Cấp tiến và Xã hội tấn công các thành viên trong

chính phủ Pháp (20). Sự chống đối cấp ngân sách cho Chính phủ Pháp xuất phát từ thực tiễn quá trình xâm lược Việt Nam của Pháp. Quá trình này đã tiêu tốn ngân sách hàng trăm triệu francs, nhưng vẫn chưa giải quyết được vấn đề bình định ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Theo tính toán, đến năm 1895, Pháp đã tiêu tốn 750 triệu francs cho cuộc chinh phục, bình định Việt Nam, trong đó riêng Bắc Kỳ và Trung Kỳ từ năm 1874 đến năm 1895, tiêu tốn hết gần 594 triệu francs (21).

Tháng 11-1885, trong phiên nghị sự của nghị viện, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình bày đề xuất khoản ngân sách 80 triệu francs chi cho hoạt động quân sự ở Bắc Kỳ và Madagascar trong năm 1886, trong đó 75 triệu francs cho Bắc Kỳ. Tuy nhiên, đề xuất này bị phản bác bởi hầu hết các nghị sĩ. Một tháng sau đó, tháng 12-1885, nghị viện Pháp tiếp tục họp để bàn về kế hoạch ngân sách chi cho hoạt động quân sự ở Bắc Kỳ và Madagascar, nhưng giảm xuống còn 50 triệu francs: "Sau ba ngày thảo luận căng thẳng, Chính phủ đã đạt được sự bỏ phiếu thông qua ngân sách nghèo nàn để tiếp tục chính sách ở Bắc Kỳ với sự ủng hộ rất thấp 273 phiếu thuận và 267 phiếu chống" (22). Kết quả này cho phép nội các mới Freycinet tiếp tục theo đuổi chủ trương chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ, nhưng đối diện với sự thiếu hụt tài chính nghiêm trọng, một phần do bị cắt giảm 30 triệu francs so với đề xuất ban đầu và phần khác do những chi phí thực tiễn rất lớn ở Bắc Kỳ.

Từ năm 1886, mặc dù nhóm ủng hộ chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ trong nghị viện Pháp có xu hướng thắng thế, nhưng vẫn luôn phải đối diện với những chỉ trích và áp lực đến từ nhóm chống đối. Nhóm Cực tả (Pelletant, Périn, Clémenceau), nhóm Trung tâm (Andrieux) và nhóm Hữu (Delafosse, Raoul Duval) tiếp tục chỉ trích rằng, các cuộc phiêu lưu quân sự của Pháp ở Bắc Kỳ làm lãng phí tài chính nhưng không mang lại kết quả gì (23). Họ gây áp lực buộc Chính phủ cắt giảm chi phí tài chính và rút bớt lực lượng quân đội Pháp ở Bắc Kỳ. Mặt khác, các nhóm này yêu cầu Chính phủ cần có cơ chế tài chính hợp lý để giảm gánh nặng tài chính của chính quốc đối với thuộc địa và các xứ bảo hộ. Phát biểu trước Văn phòng Nghị viện Pháp, Camil Pelletan cho rằng "muốn thiết lập chế độ bảo hộ cần gắn trách nhiệm với lợi ích. Buộc các thuộc địa ở Đông Dương tự chi trả các khoản chi ngân sách" (24).

Ngày 17-10-1887, Tổng thống Pháp ban hành Sắc lệnh thiết lập Liên bang Đông Dương và quy định chức năng quyền hạn, cơ chế tài chính của chính quyền liên bang, trong đó có vấn đề tài chính. Điều 8 của Sắc lệnh này quy định: Ngân sách Đông Dương phải đảm nhận mọi chi phí cho lực lượng quân đội: quân bộ, hải quân, cả lực lượng quân đội người Pháp và bản xứ và chi phí cho chính quyền toàn quyền. Các khoản chi phí này dựa vào nguồn thu từ thuế gián thu trong các xứ thuộc Liên bang Đông Dương. Trong trường hợp cần thiết, các xứ, gồm cả Bắc Kỳ hoặc chính quyền liên bang có thể được Chính phủ Pháp cho vay tiền, nhưng phải được Toàn quyền bảo lãnh và được Hội đồng nhà nước xem xét thông qua (25). Trong Sắc lệnh sửa đổi bổ sung ngày 20-10-1887, từ ngày này trở đi, chính quốc sẽ cắt mọi trợ cấp tài chính cho Đông Dương, các khoản vay của các xứ hoặc chính quyền liên bang không được vượt quá tổng số tiền chi tiêu của tài khóa năm trước. Các khoản vay phải tuân thủ theo luật được nghị viện thông qua. Chính quyền Liên bang phải tự chi trả cho các khoản vay này (26).

Những quy định mới về cơ chế tài chính đã gây ra cho chính quyền liên bang nói chung và ngân sách Bắc Kỳ nói riêng những khó khăn rất lớn về tài chính. Trong khi trợ cấp của chính quốc bị cắt, các khoản vay từ chính quốc gặp khó khăn, thì ở Bắc Kỳ, việc khai thác kinh tế, thu thuế gặp nhiều trở ngại do tình trạng bất ổn về chính trị - xã hội: ở vùng thượng du biên giới gần như nằm trong sự kiểm soát của các toán cướp người Trung Quốc; các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam bùng nổ khắp nơi. Từ năm 1887 đến 1891, chỉ riêng chi cho hoạt động quân sự và hàng hải ở Bắc Kỳ lên tới 188.209.849 francs, trong khi thu ngân sách của Bắc Kỳ và các khoản cứu trợ của chính quốc (trước khi bị bãi bỏ từ ngày 20-10-1887) và Nam Kỳ cho Bắc Kỳ chỉ đạt 167.952.900 francs (27). Từ năm 1887 đến năm 1890, hàng năm chi ngân sách của Bắc Kỳ luôn vượt thu: 2.707.139 francs năm 1887; 801.101 năm 1888, 4.751.424 francs năm 1889 và 10.210.345 francs năm 1890. Năm 1891, chi ngân sách Bắc Kỳ vượt quá 12 triệu francs so với năm tài khóa quy định. Vào năm 1890, chính quyền bảo hộ Bắc Kỳ nợ chính quốc và các ngân hàng 13 triệu francs (28). De Lanessan thừa nhận: "Chính quyền bảo hộ Pháp ở Bắc Kỳ thiếu hụt 12 triệu francs. Người ta nói rằng, từ tháng 8-1891, không còn gì để trả, không có nhân sự, không có phương tiện, không lương thực thực phẩm và không có chi phí cho những việc thiết yếu nhất" (29).

Để bù vào khoản thiếu hụt ngân sách, mặc dù chính quyền Đông Dương đã tận thu bằng cách tăng các loại thuế, đặt nhiều loại thuế mới nhưng vẫn không đủ. Năm 1890, Toàn quyền Piquet đã đề xuất với chính quốc vay 60 triệu francs, nhưng không được nghị viện Pháp thông qua. Chính quyền Piquet gặp vô vàn khó khăn về ngân sách, để làm sao cân đối giữa thu và chi, trong đó chi cho quân sự chiếm 4/5 tổng chi tiêu ngân sách, gồm: xây dựng hệ thống đồn, bốt, tháp canh, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho quân đội trong các chiến dịch,... Mâu thuẫn của Pháp khi đó là yêu cầu bình định, kiểm soát được Bắc Kỳ nói chung, vùng thượng du biên giới nói riêng và sự thiếu hụt tài chính. Bình luận về trình trạng này, tờ *Le Courrier d'Haiphong* viết: "Thật đáng tiếc khi thấy chính quốc yêu cầu một thuộc địa non trẻ như chúng ta phải chi trả mọi chi phí. Chính quốc không muốn chi trả cho các chi phí quân sự ở thuộc địa, trong khi ngân sách thuộc địa không thể đảm đương nổi chi phí này" (30).

Những khó khăn về tài chính là một trong những vật cản làm chậm tiến độ, quy mô của các công trình phục vụ mục đích bình định, kiểm soát và khai thác kinh tế ở vùng thượng du biên giới, đặc biệt là xây dựng hệ thống bốt canh quân sự dọc biên giới và triển khai xây dựng hệ thống giao thông trong vùng. Tháng 8-1889, Toàn quyền Piquet quyết định cho xây dựng tuyến đường sắt Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn để kết nối giữa đồng bằng và biên giới Bắc Kỳ - Trung Quốc. Đây là tuyến đường sắt chiến lược đầu tiên được xây dựng ở Bắc Kỳ, trước hết nhằm đảm bảo công tác tiếp viện, chuyển quân lên bình định, kiểm soát và khai thác kinh tế khu vực biên giới. Các nhà thầu khi đó hứa tự bỏ vốn xây dựng, chính quyền chính quốc sẽ trả sau theo giai đoạn. Tuy nhiên, cuối năm 1893, Chính phủ Pháp từ chối và cho rằng, việc trả chi phí xây dựng tuyến đường sắt này do chính quyền bảo hộ Bắc Kỳ thực hiện, bao gồm vốn và lãi hàng năm là 5%/năm.

Năm 1891, sau khi được bổ nhiệm làm Toàn quyền thay cho Piquet, De Lanessan đã ban hành một loạt các chính sách và biện pháp để bình định, kiểm soát được không gian đường biên giới Bắc Kỳ: quân

sự hóa bộ máy chính quyền; quân sự hóa đường biên bằng hệ thống lô cốt, tháp canh; hiện đại hóa cơ sở hạ tầng giao thông,... Tuy nhiên, kế hoạch của de Lanessan gặp phải những khó khăn rất lớn, đó là sự thiếu hụt về tài chính. Trong bối cảnh đó, de Lanessan đề xuất với Chính phủ Pháp một khoản vay 2 triệu fracns, nhưng bị nghị viện Pháp phủ quyết. De Lanessan lên án mạnh mẽ thái độ này của chính quốc: "Đó là một sai lầm trầm trọng vì chính quốc đã bắt một thuộc địa mới như Đông Dương phải chịu mọi chi phí, trong khi đối với chính quốc số tiền đó thì không đáng gì. Điều này đã làm chậm trễ hoặc gây cản trở hoàn toàn tới việc bình định và thiết lập các công cụ khai thác kinh tế" (31).

Không chỉ cắt giảm các khoản hỗ trợ, cho vay về tài chính, chính quyền Đông Dương còn chịu áp lực lớn đến từ chính quốc buộc giảm bớt lực lượng quân đội Pháp đồn trú ở Bắc Kỳ. Trước áp lực này, ngày 19-7-1888, Toàn quyền Richaud ban hành Nghị định số 400 hủy bỏ lực lượng bảo an binh, thành lập lực lượng lính gác dân sự người bản xứ để dần thay thế cho lực lượng quân đội thường trực người Âu. Nhiệm vụ của lực lượng này là "đẩy lui các cuộc xâm lược từ bên ngoài và đàn áp các cuộc nổi loạn bên trong, đảm bảo yên bình trật tự hàng ngày của xứ" (32). Lực lượng lính gác dân sự bản xứ sẽ được phân bổ trong các bốt canh dọc biên giới và trong nội địa Bắc Kỳ. Số lượng lính gác dân sự được bố trí tùy theo tầm quan trọng và tình hình của mỗi bốt canh: từ 25 đến 125 người mỗi pốt. Lính gác có cấp bậc cao nhất sẽ là người chỉ huy của bốt canh (33). Ở đồng bằng, lính gác dân sự đặt dưới sự chỉ đạo của Công sứ, trực tiếp chỉ huy là một người Âu. Ở các tỉnh biên giới, trong các vùng kiểm soát của chính quyền quân sự, lực lượng này đặt dưới quyền chỉ huy của chính quyền quân sự. Khác với đồng bằng, lực lượng lính gác dân sự trong các tỉnh biên giới hầu hết là người dân tộc thiểu số. Mọi chi phí cho lính gác dân sự, chính quyền Pháp buộc các làng phải đóng góp.

Mặc dù cho thành lập lực lượng lính gác dân sự, nhưng chính quyền Richaud chưa thực sự tin tưởng vào khả năng của lực lượng này trong việc bình định và kiểm soát vùng biên giới Bắc Kỳ. Phần lớn các bốt canh biên giới vẫn do lực lượng quân đội thường trực đảm trách, lực lượng lính gác dân sự chỉ có vai trò hỗ trợ quân đội thường trực. Chính vì thế, việc giảm lực lượng quân đội thường trực ở Bắc Kỳ chưa được thực hiện. Điều này lại làm dấy lên những phản ứng từ chính quốc. Trong phiên chất vấn tại nghị viện tháng 2-1889, Jaurès (Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa) yêu cầu chính quyền Đông Dương tăng cường dựng lực lượng binh lính người bản xứ để giảm lực lượng quân đội Pháp và chi phí tài chính trong công cuộc bình định" (34). Quan điểm này được đẩy mạnh thực hiện dưới thời Toàn quyền Piquet (1889 - 1891). Tuy nhiên, các biện pháp tiến hành của chính quyền Piquet lại làm tăng mâu thuẫn giữa chính quyền dân sự và chính quyền quân sự ở Đông Dương.

3. Sự thiếu thống nhất về đường lối của các toàn quyền và mâu thuẫn, tranh chấp quyền lực giữa chính quyền quân sự và chính quyền dân sự

Sau khi nội các Jules Ferry bị đổ, bên cạnh mâu thuẫn giữa nhóm ủng hộ từ bỏ và nhóm ủng hộ chủ trương chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới và mâu thuẫn về vấn đề tài chính, rút bớt lực lượng khỏi Bắc Kỳ, thì trong nội bộ chính quyền Pháp còn nảy sinh những mâu thuẫn liên quan tới chính sách và biện pháp chiếm đóng, bình định, kiểm soát vùng này. Liên quan tới vấn đề này, có sự tồn tại của hai mâu thuẫn chính: mâu thuẫn giữa chính quyền dân sự

và chính quyền quân sự; mâu thuẫn về đường lối giữa các Toàn quyền Đông Dương.

Từ năm 1883, thực dân Pháp thực hiện chế độ "lưỡng quyền" ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ: Quyền ngoại giao thuộc chỉ đạo của Bộ Ngoại giao, trực tiếp là viên Tổng trú sứ; quyền quân sự thuộc quyền chỉ đạo của Bộ Hải quân và Thuộc địa, trực tiếp là Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Trong vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ, chỉ đạo các hoạt động quân sự thuộc quyền của các Tư lệnh vùng. Ở cấp tỉnh, đứng đầu và có toàn quyền chỉ đạo là viên Công sứ dân sự. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu bình định, trong mỗi tỉnh ở vùng thượng du biên giới, chính quyền Pháp đặt thêm một chức Phó Công sứ do một sĩ quan quân sự đảm trách. Phó Công sứ là sĩ quan quân sự chỉ phụ trách vấn đề quân sự, không được can dự vào các vấn đề dân sự, các hoạt động quân sự và mọi mối liên hệ của chính quyền quân sự với chính quyền bản xứ ở các tỉnh phải thông qua chính quyền dân sự (Công sứ).

Sự phân tách quyền lực riêng biệt quân sự và dân sự, cùng những quan điểm đối lập nhau giữa hai chính quyền dẫn tới những mâu thuẫn, tranh chấp quyền lực kéo dài. Phần lớn chính quyền quân sự, từ Lemaire, Paul Bert, Constans,… chủ trương dùng chính quyền dân sự để thay chính quyền quân sự trong việc chỉ đạo công cuộc bình định với những biện pháp mềm dẻo, linh hoạt theo lối bảo hộ rộng rãi. Ngược lại, giới quân sự thì chủ trương dùng sức mạnh quân sự, thông qua các chiến dịch để đè bẹp các toán cướp người Trung Quốc và các cuộc khởi nghĩa nghĩa của nhân dân Việt Nam ở vùng thượng du: "Các công chức cao cấp Pháp được bổ nhiệm sang Đông Dương đều trực thuộc hai bộ: Bộ Ngoại giao và Bộ Thuộc địa, có quan niệm chính trị đối lập nhau" (35).

Năm 1887, Liên bang Đông Dương được thành lập. Trong các sắc lệnh quy định về tổ chức quyền lực của chính quyền liên bang tiếp tục khẳng định sự phân chia quyền lực giữa chính quyền dân dự và chính quyền quân sự. Toàn quyền - người đứng đầu chính quyền dân sự Liên bang Đông Dương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Hải quân và Thuộc địa và không có quyền lực về mặt quân sự. Toàn quyền Đông Dương không được phép chỉ đạo các hoạt động quân sự và không được phép tự ý tiến hành các hoạt động ngoại giao với nước ngoài nếu không được phép của Chính phủ Pháp (36). Sự thay đổi về địa giới chính trị, hành chính ở Đông Dương thuộc quyền của Bộ Ngoại giao. Tư lệnh các lực lượng quân đội là người đứng đầu chính quyền quân sự ở Đông Dương chịu sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, trực tiếp chỉ đạo lực lượng quân đội và hải quân ở Đông Dương (37). Sự phân chia quyền lực giữa chính quyền dân sự và chính quyền quân sự dẫn tới sự thiếu thống nhất trong chỉ đạo, phối hợp và làm nảy sinh những bất đồng quan điểm về chính sách, biện pháp, thậm chí là tranh chấp quyền lực trong việc chiếm đóng, kiểm soát vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ (38).

Sau khi được bổ nhiệm đứng đầu chính quyền dân sự Đông Dương, Toàn quyền Ernest Constant (16/11/1887 - 4/9/1888) chủ trương theo đuổi chính sách bảo hộ mềm dẻo của Paul Bert để bình định Bắc Kỳ và kiểm soát vùng thượng du biên giới để tiết kiệm nhất có thể về mặt tài chính và nhân lực người Âu theo chỉ đạo của Chính quốc. Constans phản đối việc chiếm đóng quân sự và chống lại quyền lực của giới quân sự - điều mà Chính phủ Pháp không trao cho ông ta: "Tôi khẳng định rằng, việc chiếm đóng quân sự là một nguyên nhân thường trực gây ra tình trạng lộn xộn và kiệt quệ xứ Bắc Kỳ trong thời gian ngắn. Việc áp dụng bộ máy quân sự đông đảo gây

ảnh hưởng tới khai thác các nguồn lợi, tốn kém chi phí của chính quốc" (39). Tuy nhiên, Constant đề xuất, lực lượng quân đội Pháp sẽ rút bớt khỏi Bắc Kỳ, nhưng không được rút quá nhanh, nếu không chúng ta sẽ thất bại và có nguy cơ phải làm lại từ đầu" (40).

Ngược lại, giới quân sự cho rằng, việc chiếm đóng quân sự hoàn toàn vùng thượng du biên giới sẽ là một cú chết người đối với các nhóm nổi dậy, là phương tiện chắc chắn nhất để loại bỏ những quan lại không hài lòng ở Bắc Kỳ. Chí ít đó là cách để loại bỏ những trợ thủ của họ, và những băng cướp người Trung Quốc. Việc chiếm đóng quân sự vùng thượng du biên giới sẽ tạo ra sợi dây an toàn đối với sự giàu có của đồng bằng, đồng thời cách ly toàn bộ vùng thượng du với biên giới Trung Quốc (41). Để thực hiện được điều này, chính quyền quân sự yêu cầu họ cần có sự độc lập hơn và một sự phân nhiệm rõ ràng hơn về trách nhiệm và quyền lực (42).

Chính sự mâu thuẫn quan điểm này là nguyên nhân dẫn tới tình trạng thiếu thống thất về chỉ đạo và hành động giữa chính quyền quân sự và dân sự trong công cuộc bình định và kiểm soát vùng thượng du biên giới. Các hoạt động quân sự thường chậm trễ và không hiệu quả (43). Để giải quyết vấn đề này, ngày 12-11-1887, Tổng thống Pháp ban hành Nghị định cho phép Toàn quyền Đông Dương quyền thiết lập một số vùng ở biên giới có sự tách biệt về quyền kiểm soát hoàn toàn của chính quyền dân sự hoặc chính quyền quân sự, nhưng phải theo ý kiến đề xuất của Tư lệnh tối cao các lực lượng quân đội Pháp ở Đông Dương (44). Tuy nhiên, Constans tỏ ra thận trọng trong việc giao quyền quản lý các tỉnh biên giới cho chính quyền quân sự. Theo quan điểm của Constans, quân đội phải đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền dân sự, ở thượng du biên giới việc bình định phải được thực hiện bằng biện pháp thỏa thuận với người Trung Quốc, không thể bằng vũ lực quân sự.

Tháng 9-1888, sau khi được bổ nhiệm làm Toàn quyền thay cho Constans, Richaud chỉ trích phương pháp bình định và kiểm soát biên giới Bắc Kỳ thông qua chính sách bảo hộ mềm dẻo của người tiền nhiệm thay vào đó là lối cai trị trực tiếp, chủ trương tăng cường sự hiện diện quyền lực của người Pháp tới cấp Phủ. Phương pháp của Richaud thiên về hoạt động quân sự, đề cao vai trò của chính quyền quân sự và phương pháp quân sự. Richaud thúc đẩy nhanh quá trình vạch định ranh giới giữa các vùng do chính quyền quân sự hoặc chính quyền dân sự kiểm soát. Richaud trao cho chính quyền quân sự kiểm soát hoàn toàn một số vùng: Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La, phối hợp với chính quyền dân sự mở các chiến dịch quân sự quy mô lớn, tiến hành xây dựng hệ thống bốt canh ở biên giới và trong nội địa các tỉnh giáp biên giới để trấn áp các toán cướp người Trung Quốc, đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Các chiến dịch quân sự của Pháp ở vùng thượng du biên giới cuối năm 1888 đầu năm 1889 đã mang lại một số kết quả. Quân Pháp đã chiếm được một số vị trí quan trọng, nhưng không kiểm soát được tình hình. Hệ thống các bốt canh biên giới được thiết lập nhưng bộc lộ nhiều hạn chế dẫn tới không kiểm soát được đường biên. Các toán cướp người Trung Quốc vẫn thường xuyên xâm nhập, tấn công quân Pháp, cướp phá các làng dọc biên giới. Trong báo cáo gửi về Pháp, Richaud thừa nhận "Việc bình định chưa thực sự tiến triển ở Bắc Kỳ. Các toán cướp đã quay trở lại làm loạn, binh lính mệt mỏi, các nhà đàm phán bị ám sát" (45).

Cho tới đầu năm 1889, mục tiêu bình định, kiểm soát vùng biên giới Bắc Kỳ của

chính quyền Richaud vẫn chưa đạt được, trong khi đó kế hoạch giảm chi ngân sách và giảm dần sự hiện diện của quân đội Pháp ở Bắc Kỳ cũng không đạt được. Tháng 2-1889, tại phiên họp nghị viện, nhiều nghị sĩ phản đối đường lối của Richaud. Jaurès (Bộ trưởng Bộ Hải quân) chỉ trích rằng, những hoạt động quân sự chỉ làm cho người bản xứ phẫn nộ, cần phải hủy bỏ tất cả các đồn bốt quân sự không cần thiết, vì gây ra sự phân tán lực lượng quân đội. Nên xây dựng, tuyển mộ lực lượng binh lính người bản xứ để bảo đảm sự vững chắc lâu dài và tạo điều kiện cho giảm dần lực lượng quân đội thường trực của Pháp ở Bắc Kỳ (46).

Tháng 5-1889, Richaud rời Đông Dương, Piquet tiếp quản vị trí Toàn quyền và triển khai các biện pháp bình định, kiểm soát vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ. Chính quyền Piquet tiếp tục chịu sự chi phối và áp lực rất lớn từ chính quốc liên quan tới việc cắt giảm tài chính, rút dần lực lượng quân đội thường trực và nhiệm vụ đầy khó khăn là bình định và kiểm soát vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ. Piquet chủ trương ưu tiên bình định vùng biên giới bằng các phương pháp chính trị mềm dẻo, giảm dần trách nhiệm của chính quyền quân sự, qua đó để rút dần lực lượng quân đội thường trực. Quan điểm này của chính quyền dân sự nhằm đạt 3 mục tiêu: làm yên lòng các nhóm phản đối ở chính quốc vì lý do tốn kém tài chính và sự hy sinh của binh lính Pháp; bình định, kiểm soát vùng thượng du biên giới theo cách ít tốn kém nhất; tạo ảnh hưởng tốt của người Pháp đối với người dân bản xứ.

Trước hết, để giảm dần sự hiện diện của quân đội Pháp, ngày 28-10-1889, Piquet ban hành Nghị định xây dựng lực lượng lính gác dân sự bản xứ ở Bắc Kỳ lên 7.000 người, phiên chế thành các lữ đoàn. Chỉ huy chung các lữ đoàn là viên tư lệnh tối cao dưới quyền chỉ đạo của Thống sứ Bắc Kỳ. Trong số đó, chính quyền Piquet phân bổ 4.000 lính gác dân sự đóng ở các tỉnh dọc biên giới thượng du Bắc Kỳ (47). Trong các tỉnh biên giới, lực lượng lính gác dân sự đặt dưới sự chỉ đạo của chính quyền dân sự, trực tiếp là Công sứ các tỉnh. Nhiệm vụ của lực lượng này là "đẩy lui các cuộc xâm lược từ bên ngoài và đàn áp các cuộc nổi loạn bên trong, đảm bảo yên bình trật tự hàng ngày". Bên cạnh đó, lực lượng lính gác dân sự có vai trò lớn trong việc đồn trú, canh gác các bốt canh quân sự dọc biên giới và bên trong nội địa các tỉnh biên giới Bắc Kỳ.

Dưới thời Richaud, việc đồn trú, canh gác trong các bốt canh biên giới là thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ của chính quyền quân sự. Tuy nhiên, dưới thời Piquet, chính quyền Đông Dương đã buộc chính quyền quân sự giao lại quyền này cho chính quyền dân sự, trực tiếp đảm trách là lực lượng lính gác dân sự. Ngày 30-11-1889, Piquet ban hành Nghị định đặt toàn bộ việc canh gác, kiểm soát các bốt canh biên giới trong tỉnh Lạng Sơn dưới quyền chính quyền dân sự. Nghị định này quy định, từ ngày 1-1-1890, lực lượng lính gác dân sự và lực lượng thân binh người dân tộc thiểu số sẽ thay chính quyền quân sự toàn quyền đảm trách an ninh và canh gác biên giới trong tỉnh Lạnh Sơn. Chính quyền quân sự phải bàn giao việc kiểm soát các bốt canh biên giới cho chính quyền dân sự. Ngoài các bốt canh đã có, các bốt canh mới được xây dựng cũng được đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền dân sự. Lực lượng lính gác dân sự đồn trú trong các bốt canh biên giới ở Lạng Sơn là 40 người, mỗi bốt được bổ sung thêm 40 thân binh người thiểu số được trang bị súng lục. Lực lượng lính gác dân sự và lực lượng thân binh canh biên giới được miễn thuế thân, sưu dịch (48), được cấp gạo, muối trong thời gian phục vụ (49). Tuy nhiên, khẩu phần gạo hàng ngày của lực lượng này không phải do chính

quyền bảo hộ cấp mà do chính quyền làng xã nơi người đi lính đăng bạ cấp.

Việc sử dụng lực lượng lính gác dân sự, thân binh người thiểu số trong các tỉnh biên giới nhằm mục đích giảm gánh nặng chi phí ngân sách và giảm dần sự hiện diện, thương vong cho quân đội thường trực người Pháp là bước đi khôn ngoan thể hiện chính sách bảo hộ tinh vi của Pháp. Tuy vậy, chính sách tăng cường và sử dụng lực lượng lính gác dân sự và thân binh người thiểu số của chính quyền Piquet gây ra nhiều hệ lụy: lực lượng này không đủ mạnh để có thể kiểm soát các bốt canh biên giới; một vài nhóm lính gác dân sự thường xuyên sách nhiễu, bắt các làng cung cấp các loại thực phẩm; lấy trộm lương thực, vũ khí đem bán trong quá trình hộ tống các đoàn tiếp tế cho quân đội đồn trú ở biên giới. Theo Daha, "Họ [lính gác dân sự] là những kẻ cướp đêm, cướp ngày […], việc chiếm giữ của lực lượng này ở các bốt canh rất tệ hại. Họ không đến đó để chống lại các toán cướp mà nhường cho các tên cướp súng đạn" (50).

Bên cạnh đó, chính quyền Piquet tiến hành tước bỏ quyền lực của chính quyền quân sự và "dân sự hóa" chính quyền ở một số tỉnh giáp biên giới. Sau tỉnh Lạng Sơn, ngày 8-12-1889, Piquet ban hành Nghị định đặt lãnh thổ tỉnh Cao Bằng, trước đây do chính quyền quân sự kiểm soát, dưới chế độ dân sự. Nghị định nêu rõ "Tình trạng chính trị hiện nay ở Cao Bằng không còn phù hợp cho chế độ đã thiết đặt nữa. Cao Bằng được đặt lại chế độ bình thường, dưới sự lãnh đạo của một Công sứ dân sự để thay thế cho Phó Công sứ quân sự, trong việc chỉ đạo hành chính của tỉnh. Các nhân sự hành chính người bản xứ, người Âu, các giấy tờ liên quan, trụ sở làm việc, thành, chỗ ở và các cơ quan khác phải giao lại cho Công sứ dân sự" (51). Theo quy định, trong các tỉnh đặt dưới sự cai quản của Công sứ dân sự, các tư lệnh quân sự không được tự ý tiếp xúc trực tiếp với các viên chức người Việt. Tất cả mọi yêu cầu thông tin liên quan tới hoạt động quân sự phải được sự đồng ý cho phép của Công sứ dân sự. Tiến thêm một bước, ngày 1-1-1890, với lý do khó khăn tài chính, Piquet hủy bỏ ngân sách chi cho Sở Thông tin quân sự (52).

Đối với các toán cướp lớn người Trung Quốc và các cuộc nổi dậy của nhân dân Việt Nam ở vùng thượng du biên giới, chính quyền Piquet thiên về các biện pháp chính trị hơn là quân sự, nhưng không loại bỏ các chiến dịch quân sự: dùng lợi ích chính trị, kinh tế để chiêu dụ, quy phục các toán cướp người Trung Quốc và một số thủ lĩnh nổi dậy người Việt Nam, biến họ thành những công cụ, trợ tá để giúp chính quyền Pháp kiểm soát, cai quản vùng thượng du biên giới: "Chúng ta không thể đánh tan các băng cướp người Trung Quốc bằng các cuộc viễn chinh quân sự. Người ta khuyên, không nên nghĩ là đẩy lui họ về bên kia biên giới của Trung Quốc mà tìm cách làm cho họ quy phục bằng cách cho họ quyền chiếm đóng một số vùng, cho họ quyền cai quản các vùng đó dưới sự kiểm soát của các nhân viên người Pháp, khi đó chúng ta sẽ làm cho họ dừng mọi chống đối và chúng ta sẽ thấy ở họ những sự trợ tá để khai thác sự giàu có về nông nghiệp của các vùng này" (53).

Năm 1890, sau khi tiến hành một vài chiến dịch quân sự ở vùng Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang, chính quyền Piquet đưa ra các điều kiện để đổi lại sự quy phục của Lương Tam Kỳ - thủ lĩnh của nhóm cướp người Trung Quốc lớn nhất ở vùng thượng du (54). Theo đó, Lương Tam Kỳ quy thuận và hỗ trợ chính quyền Pháp đàn áp các nhóm cướp khác. Đổi lại, chính quyền Pháp cho phép Lương Tam Kỳ tiếp tục cai quản các vùng chợ Chu, chợ Mới như trước, được miễn các loại thuế, được cấp hàng năm các khoản trợ cấp tài chính

để khai thác, phát triển kinh tế trong vùng. Ở vùng Tuyên Quang, Hà Giang, chính quyền dân sự Pháp cấp cho một số toán cướp nhỏ người Trung Quốc khoản trợ cấp hàng năm để chiêu dụ, sử dụng họ vào khai hoang trong vùng này. Ở vùng Cao Bằng, thủ lĩnh toán cướp là Hà Quốc Thương cũng được chính quyền dân sự thỏa thuận cho khai thác mỏ (55).

Quan điểm và chính sách của Piquet vấp phải sự phản đối của chính quyền quân sự. Giới quân sự cho rằng, vấn đề bình định vùng thượng du chưa đạt được kết quả một phần nguyên nhân bắt nguồn từ những chính sách của Piquet: việc ngăn cản chính quyền quân sự tiếp xúc với chính quyền dân sự bản xứ khiến chính quyền quân sự thiếu thông tin liên quan tới các toán cướp, nhất là địa bàn, vị trí của các toán cướp: "Không còn những thông tin kịp thời, thậm chí không có những thông tin hữu dụng nào cho các tư lệnh quân sự liên quan tới vị trí và hoạt động của các toán cướp, ngoài những thống kê hành chính không có liên quan gì" (56). Giới quân sự chỉ trích và tố cáo: "Chính sách này, dưới danh nghĩa bề ngoài là vì một mục đích tiết kiệm, nhưng mục đích thực sự là để làm cho các viên chức người Việt lệ thuộc vào chính quyền dân sự thay vì chính quyền quân sự" (57).

Dư luận thuộc địa và chính quốc thì có những phản ứng trái chiều. Ở Bắc Kỳ, một số tờ báo thực dân tỏ thái độ ủng hộ chủ trương sử dụng các biện pháp chính trị để đối với các toán cướp Trung Quốc. Tờ *Le Courrier d'Haiphong* bình luận: "Nếu Lương Tam Kỳ thành thật và chấp nhận thì việc sử dụng Lương Tam Kỳ để đàn áp các nhóm cướp khác, nhất là nhóm của Ba Kỳ cũng là tốt. Vì ông không có lợi gì khi chống lại Pháp, hoàn toàn hy vọng ông ta trở thành trợ thủ, cần dùng mọi biện pháp để bình định cho được vùng mỏ ở Bắc Kỳ" (58).

Ở chính quốc, năm 1891, tại Paris, Nhà xuất bản Quân sự cho công bố cuốn sách về "Nạn cướp ở Bắc Kỳ", nhưng không đề tên tác giả, đã chỉ trích quyết liệt chính sách của chính quyền dân sự Piquet. Cuốn sách này lên án rằng, việc chính quyền dân sự cấp vũ khí, trợ cấp tiền để biến Lương Tam Kỳ thành công cụ cai trị là việc nguy hiểm và tốn kém: "Chúng tôi duy nhất nhận thấy rằng, sự quy phục của Lương Tam Kỳ khiến chúng ta trả giá đắt và tiếp tục trong tương lai một chi phí nặng nề đối với ngân sách. Vì thực tế, các thân binh của Lương Tam Kỳ sau khi quy thuận và nhận trợ cấp của Pháp vẫn thường xuyên hoạt động ở Sơn Tây, Phủ Lạng Thương để bán thuốc phiện và phó mặc cho bọn cướp hoành hành" (59). Còn các toán cướp người Trung Quốc ở Tuyên Quang, Cao Bằng, sau khi nhận tiền trợ cấp của chính quyền đã bỏ trốn và tiếp tục cướp phá. Tài liệu quy kết, đó là chính sách sai lầm, mù quáng của chính quyền dân sự, hệ quả dẫn tới vùng thượng du chưa thể bình định được. Từ những chỉ trích trên, cuốn sách đưa ra quan điểm: sử dụng sức mạnh quân đội là phương án tốt nhất để đè bẹp tinh thần dân tộc của người Việt Nam và sự chống đối của các toán cướp người Trung Quốc (60). Cuốn sách chỉ ra nguyên nhân của những sai lầm đó bắt nguồn từ sự thâu tóm quyền lực, bảo vệ quyền lực của chính quyền dân sự: "Thật không tốt khi người ta đề cao sự ưu việt của chính quyền dân sự so với chính quyền quân sự. Các viên chức dân sự thiết tha gắn bó với chính quyền của họ và e sợ vì thấy chính quyền tuột khỏi tay họ" (61). Tác giả Marcel Blanchard thừa nhận thực trạng tranh chấp quyền lực giữa chính quyền quân sự và chính quyền và dân sự: "Có hai Bắc Kỳ khác biệt, dân sự và quân sự… mâu thuẫn giữa những người đứng đầu quân sự và những người

đứng đầu hành chính dân sự mỗi ngày càng tăng và gay gắt hơn" (62).

Sự thiếu thống nhất và đối lập về chính sách, biện pháp giữa các Toàn quyền dân sự, từ Constans đến Piquet, những mâu thuẫn và tranh chấp quyền lực giữa chính quyền dân sự và chính quyền quân sự trong nội bộ chính quyền Pháp gây ra nhiều hệ lụy: thiếu sự thống nhất trong chỉ đạo và hành động trong việc bình định; việc bỏ rơi trách nhiệm khi thì chính quyền quân sự, khi thì chính quyền dân sự ở một số khu vực. Toàn quyền de Lanessan đánh giá, đó chính là "tình trạng vô chính phủ đáng lo ngại" ở vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ (63). Hệ quả trực tiếp của trình trạng này là, cùng với những khó khăn về tài chính, cho tới năm 1890, chính quyền Pháp chưa đạt được mục tiêu bình định và kiểm soát vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến quá trình vạch định, cắm mốc đường biên giới Bắc Kỳ của chính quyền Pháp gặp nhiều khó khăn và trở ngại. De Lanessan thừa nhận, chính sự mâu thuẫn trong nội bộ, sự yếu kém của chính quyền Pháp và chính quyền bản xứ là nguyên nhân chính "làm tăng sự táo tợn của những toán cướp có vũ trang người Trung Quốc đến từ Quảng Đông, Quảng Tây và khiến chúng nghĩ rằng, Bắc Kỳ là miếng mồi cho sự thèm muốn của chúng" (64). Trong nghiên cứu của mình, Pierre Brocheux và Daniel Hémery đánh giá "Trong các cánh rừng ở khu vực biên giới Trung Quốc - Bắc Kỳ, các toán cướp và các cuộc nổi dậy thách thức các lực lượng của Pháp,… Họ thực sự là là chướng ngại gần như không thể vượt qua được" (65).

Từ năm 1891 trở đi, dưới thời Toàn quyền de Lanessan và Rousseau, những mâu thuẫn, tranh chấp quyền lực trong nội bộ chính quyền Pháp ở Đông Dương từng bước được giải quyết nhờ những thay đổi về cơ chế quyền lực của chính quốc đối với chính quyền toàn quyền Đông Dương và những thay đổi trên thực tế về chính sách, biện Pháp của chính quyền Đông Dương đối với vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ: xóa bỏ cơ chế lưỡng quyền (quân sự và dân sự), tập trung mọi quyền lực vào chính quyền dân sự, đứng đầu là Toàn quyền; quân sự hóa toàn bộ vùng thượng du biên giới về chính quyền và các biện pháp bình định, kiểm soát không gian đường biên (66). Chính những thay đổi này có vai trò mang tính quyết định, mang lại thành công trong công cuộc bình định, kiểm soát Bắc Kỳ nói chung, vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ nói riêng của thực dân Pháp. Tới cuối năm 1892, về cơ bản thực dân Pháp đã hoàn thành bình định ở đồng bằng: "người ta không quá phóng đại khi nói rằng ở đồng bằng Bắc Kỳ cũng yên bình như bất kỳ tỉnh nào của Pháp (67). Đến năm 1896, về cơ bản Pháp đã bình định và kiểm soát được vùng thượng du biên giới, tạo điều kiện thuận lợi hoàn thành phân định, cắm mốc biên giới Bắc Kỳ với Trung Quốc, bước đầu khai thác, phát triển kinh tế ở vùng thượng du.

4. Kết luận

Việc chiếm đóng, bình định, kiểm soát không gian các tỉnh biên giới thượng du Bắc Kỳ có vai trò quan trọng đối với quá trình mở rộng ảnh hưởng, cạnh tranh lợi ích của Pháp ở Việt Nam, trong đó có cạnh tranh ảnh hưởng chính trị, tranh chấp lãnh thổ và lợi ích kinh tế với Trung Quốc. Từ sau năm 1885, mặc dù trong một vài thời điểm, nhiều quan điểm trong chính quyền Pháp đề nghị và đấu tranh yêu cầu Chính phủ Pháp nên từ bỏ việc chiếm

đóng vùng thượng du biên giới, nhưng từ năm 1886 trở đi, chủ trương chiếm đóng toàn diện vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ có xu hướng thắng thế. Đây là đường lối cơ bản được chính quyền Pháp thực hiện đối với vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ, nhưng với nguyên tắc tránh đụng độ quân sự với Trung Quốc để duy trì một đường biên hòa bình.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đường lối này, chính quyền Pháp phải đối diện với nhiều khó khăn, trở ngại. Một trong số đó bắt nguồn từ mâu thuẫn quan điểm và tranh chấp quyền lực trong nội bộ chính quyền Pháp; mâu thuẫn giữa yêu cầu cắt giảm tài chính, rút dần sự hiện diện của quân đội thường trực với nhiệm vụ và mục tiêu bình định, kiểm soát vùng thượng du biên giới; mâu thuẫn về chính sách, biện pháp bình định và kiểm soát không gian biên giới giữa những người đứng đầu chính quyền dân sự, tranh chấp quyền lực giữa chính quyền dân sự với chính quyền quân sự.

Nguồn gốc sâu xa dẫn tới tình trạng này bắt nguồn từ: *Thứ nhất*, những khó khăn về tài chính của Pháp và tình trạng hỗn loạn ở vùng thượng du biên giới gây ra bởi sự phức tạp về địa hình, giao thông, thái độ cứng rắn và tham vọng của chính quyền Trung Quốc, nhất là chính quyền địa phương các tỉnh giáp biên giới với Bắc Kỳ trong việc lấn chiếm lãnh thổ, duy trì, bảo vệ lợi ích ở vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ; hoạt động có tổ chức và có chủ đích chính trị của các toán cướp có vũ trang người Trung Quốc; các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân Việt Nam. *Thứ hai* là sự đối lập quan điểm giữa các nhóm chính trị và giữa các cá nhân trong nghị viện, trong Chính phủ chính quốc và người đứng đầu chính quyền ở Đông Dương. *Thứ ba*, bắt nguồn từ sự hạn chế quyền lực của người đứng đầu chính quyền liên bang Đông Dương. Chính quyền dân sự Đông Dương chịu nhiều can thiệp, áp lực từ chính quốc; cơ chế lưỡng quyền riêng biệt và độc lập (quân sự và dân sự) khiến quyền lực của Toàn quyền bị hạn chế (chỉ có quyền dân sự, không có quyền quân sự); người đứng đầu chính quyền quân sự ở Đông Dương được bổ nhiệm không cùng quan điểm với Toàn quyền (68); sự thiếu thống nhất về quan điểm và biện pháp của các toàn quyền dân sự.

Những khó khăn gặp phải và những bất đồng quan điểm, tranh chấp quyền lực trong nội bộ chính quyền dẫn tới tình trạng chính quyền Pháp không có đường lối chỉ đạo và những biện pháp hành động thống nhất đối với vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ. Điều này thay đổi tùy thuộc vào quan điểm của mỗi người đứng đầu chính quyền dân sự Pháp ở Đông Dương. Về vấn đề này, Toàn quyền de Lanessan thừa nhận: "Từ ngày de Courcy và Champeaux rời Huế, mỗi Tổng trú sứ, và Toàn quyền làm theo cách của anh ta, họ chà đạp lên Hiệp ước 1884 hoặc tuyên bố áp dụng nó theo sự thất thường của hoàn cảnh hoặc theo sự chỉ đạo của tư tưởng thịnh hành. Có người thì cố gắng chinh phục, người khác thì từ bỏ những nỗ lực của tiền nhiệm […], các Công sứ chỉ đạo mọi việc theo sở thích của anh ta. Tất cả không có quy chế, không có phương pháp hoặc là bằng một vài phương pháp nó thay đổi theo mỗi công sứ" (69).

Qua đó có thể thấy rằng, những năm cuối thế kỷ XIX là giai đoạn đầu định hình đường lối cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ, chính vì thế chính quyền Pháp chưa có được một đường lối chính trị - quân sự thống nhất

đối với Bắc Kỳ nói chung, vùng thượng du biên giới Bắc Kỳ nói riêng. Quá trình định hình này kéo dài gần mười năm qua nhiều đời Thủ tướng, Tổng trú sứ và Toàn quyền với nhiều khó khăn, thách thức. Đây là một trong những nguyên nhân, cùng với sự phản kháng quyết liệt của phái chủ chiến trong triều đình Huế, các cuộc nổi dậy chống Pháp của nhân dân Việt Nam, tham vọng lợi ích của triều đình Mãn Thanh, khiến công cuộc bình định, kiểm soát, phân định, cắm mốc biên giới ở vùng thượng du Bắc Kỳ của chính quyền Pháp gặp nhiều khó khăn và phải kéo dài hơn mười năm (1885 - 1896). Những khó khăn này gây ra cho chính quyền Pháp những khoản chi phí khổng lồ, đồng thời chính là vật cản làm chậm lại mục tiêu khai thác kinh tế, vơ vét tài nguyên của thực dân Pháp ở vùng thượng du Bắc Kỳ, đặc biệt là phát triển thương mại, tham vọng xâm nhập vào thị trường Tây Nam Trung Quốc.

CHÚ THÍCH

(*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 601.02.2020.301.

(1). Xem: Trịnh Nhu, "Sự tranh chấp quyền lợi và vai trò tôn chủ của nhà Thanh ở Việt Nam" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5-1990, tr.32-40) và "Vấn đề tranh chấp, nhân nhượng giữa thực dân Pháp với nhà Thanh trong quá trình hoạch định biên giới Việt - Trung" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-1993, tr.15-25); Lê Trung Dũng, "Hoạt động của phái đoàn Pháp về hoạch định biên giới Bắc Kỳ -Trung Quốc tại Lào Cai năm 1886" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4-2008, tr.66-75); Vũ Dương Ninh, "Nhìn lại quan hệ Pháp- Việt Nam - Trung Quốc qua các bản hiệp ước cuối thế kỷ XIX" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 8-2010, tr.3-15) và "Từ Công ước Pháp - Thanh năm 1887 và năm 1895 đến Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc năm 1999" (*Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 3-2011, tr.7-8); Nguyễn Thị Hạnh, "Phân định biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc: lịch sử và vấn đề" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 10-2016, tr.69 - 80).

(2). Jules Ferry (1832 - 1893) là Thủ tướng Pháp trong hai nhiệm kỳ (1880 - 1881 và 1883 - 1885). Là người có chủ trương bành trướng mở rộng thuộc địa, tham vọng chiếm bằng được Bắc Kỳ và có thái độ cứng rắn nhằm loại bỏ ảnh hưởng của Trung Quốc ở Bắc Kỳ.

(3). Bắc Kỳ là biệt danh người ta đặt cho Ferry để chỉ tham vọng bành trướng chiếm đóng Bắc Kỳ của Chính phủ do Ferry đứng đầu (Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử (1884 - 1945)*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1961, tr.333).

(4), (5), (6), (7), (9), (16), (34), (40), (45). Éric Schmeader, Le Chambre de 1885-1889 et les affaires du Tonkin, *Revue francais d'histoire d'outre -mer*, tome 53, No 192-193, 1966, tr.153-214, 154-155, 158-159, 166, 176-178, 195- 196, 194, 204, 195- 196.

(8), (18), (19). De C.C, Paul Bert, *Le Courrier d'Haiphong*, jeudi 17 juillet 1890.

(10), (13), (15). *Fixation de la frontièrre sino-vietnamienne 1885 - 1896* (Archives d'Aix en provence, lưu tại Viện Sử học - Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), tr.13, tr. 24, tr.118.

(11), (57). Le Prince, *Étude militaire sur le Tonkin*, Librairie militaire de Baudoin, Imprimeur - Éditeur, Paris, 1893, tr.6, tr.25.

(12). Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử (1884 - 1945)*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1961, tr.366.

(14), (41). Louis de Grandmaison, *L'Expansion francaise au Tonkin en Territoire militaire*, Librairie Plon E.Plon, Nourrit et Cie, Imprimeurs - Éditeurs, Paris, 1898, tr.215, tr.78.

(17). Paul Bert (1833 - 1886), là nghị sĩ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Pháp (1881 - 1882), Tổng Trú sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ (1886).

(20), (21), (24). Pierre Brocheux et Daniel Hémery, *Indochine: la colonisation ambigue 1858 - 1954*, éditions la Couverte, Paris, 2001, tr.82, tr.83.

(22). Pierre Huard, *Paul Bert, homme politique (1833 - 1886): Sa carriere eut pour theatre la France et le Vietnam*, tr.239, https://www.biusante.parisdescartes.fr (truy cập ngày 27-5-2022).

(23). Xem thêm: Éric Schmeader, Le Chambre de 1885-1889 et les affaires du Tonkin, *Revue francais d'histoire d'outre -mer*, tome 53, No 192-193, 1966, tr.153-214, 172-173.

(25). Décret du 17 octobre 1887 du Président de la République, relatif à l'organisation de l'Indochine francaise, *Journal officiel de la Republique francaise*, No 284, le 18 octobre 1887, tr. 4609 - 4610.

(26), (37). Décret du 20 octobre 1887 du Président de la République francaise sur l'organisation de l'Indochine, *Journal officiel de la République francaise*, No 287, le 21 octobre 1887, tr.4657 - 4658.

(27), (28), (29), (31), (42), (63), (64), (67), (69). Jean Louis de Lanessan, *La colonisation francaise en Indochine*, Felix Alcan, Editeur, Paris, 1895, tr.116, 113 - 114, 1, 116, 60 - 61, 58, 62, 46, 23.

(30), (68). M. Piquet, *Le Courrier d'Haiphong*, 25 Février 1890.

(32), (33). *Moniteur du Protectorat de l'Annam et du Tonkin*, No 7, juillet 1888, tr. 403-411.

(35). Emmanuel Poisson, *Quan và lại ở miền Bắc Việt Nam - Một bộ máy hành chính trước thử thách (1820 - 1918),* (Đào Hùng, Nguyễn Văn Sự dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2018, tr. 198.

(36). Toàn quyền chỉ được phép trao đổi trực tiếp với Bộ trưởng Ngoại giao Pháp ở Trung Quốc, các lãnh sự và phó lãnh sự của Pháp ở Batavia, Hongkong, Singapore, Siam, Luangprabang, theo Décret du 17 octobre 1887 du Président de la République, relatif à l'organisation de l'Indochine francaise, *Journal officiel de la République francaise*, No 284, le 18 octobre 1887, tr. 4609 - 4610.

(38). Trên thực tế, sau khi Sắc lệnh thành lập Liên bang Đông Dương được ban bố, người đứng đầu Bộ Hải quân và Thuộc địa và Bộ Ngoại giao đã đề xuất với Tổng thống Pháp việc điều chỉnh quyền lực cho chính quyên Toàn quyền. Trong báo cáo gửi Tổng thống Pháp, Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa (E. Barbey) và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (Flourens), nêu rõ lý do là tạo sự thống nhất trong chỉ đạo và cai trị ở các xứ Đông Dương về cả mặt chính trị, hành chính, thuế quan và quân sự. Báo cáo chỉ rõ, việc thống nhất trong chỉ huy và việc tập trung tất cả các lực lượng của các xứ thuộc Liên bang đảm bảo việc bình định hoàn toàn các xứ giàu có này. Cần cho chính quyền Đông Dương quyền tự trị về tổ chức và hoạt động ngoại giao đối với chủ quyền lãnh thổ. Tuy nhiên đề xuất này không được thực hiện, theo Rapport au Président de la République, relatif à l'organisation de l'Indochine francaise, *Journal officiel de la République francaise*, No 284, le 18 octobre 1887, tr.4609 - 4610.

(39), (62). Marcel Blanchard, *L'Indochine francaise de 1886 à 1889*, Société d'Histoire moderne, études d'histoire moderne et comtemporaine, tome V, 1953 (tr. 185- 223), tr.197, 195.

(43), (50), (56), (65). Daha Chérif BA, Pirates rebelles et ordre colonial en Indochine francaise au XIX^{e}, *Revue angerienne d'anthropologie et de sciences sociales*, No 62/2013, tr.1-26, 12, 16, 15, 1.

(44). Décret du 12 novembre 1887 du Président de la République règlant les attributions administratives du Gouverneur général de l'Indochine francaise, *Journal officiel de la République francaise*, No 287, le 21 octobre 1887, tr.5017 - 5018.

(47). Territoires Militaires, *Le Courrier d'Haiphong*, le 15 Aout 1891.

(48). Arrêté fixant à six ans la durée du service actif des indigènes en Annam et au tonkin, *Bulletin officiel de l'Indochine francais*, No 7, 7/1889, tr. 255-256.

(49). *Bulletin officiel de l'Indochine francais*, No 7, 7/1889 tr. 259.

(51). *Bulletin officiel de l'Indochine francaise*, No 12, 12/1889, tr.758.

(52). Sở Thông tin được thành lập năm 1887, phụ thuộc vào chính quyền quân sự. Le Prince, *étude militaire sur le Tonkin*, Librairie militaire de Baudoin, Imprimeur - Éditeur, Paris, 1893, tr.22.

(53), (55), (59), (60), (61). *La piraterie au Tonkin*, Imprimerie et Librairie militaires Henri Charles-Lavauzelle éditeur, Paris, 1891, tr.5, 25 - 29, 29, 28, 47.

(54). Lực lượng của Lương Tam Kỳ có khoảng 4.000 tay súng, kiểm soát một vùng rộng lớn giàu có ở thượng du Bắc Kỳ: Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Lạng Sơn. Nhóm này thường xuyên cướp phá xuống tận vùng Bắc Ninh, Hưng Hóa và Tam Đảo, theo P. Famin (Commandant, Vice Président de la Commission d'Abornement des frontières Sino-Annamite en 1894), *Au Tonkin et sur la frontière du Kwang - Si*, Augustin Challamel, éditeur, Paris, 1895, tr.69.

(58). *Le Courrier d'Haiphong*, jeudi 24 aout 1890.

(66). Những vấn đề nêu trên, chúng tôi sẽ đề cập cụ thể trong một nghiên cứu khác.